

Số: 05 /2023/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **01** tháng **4** năm 2023; thay thế Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc quy định phân cấp quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Cao Bằng;
- Cổng TTĐT tỉnh (đăng tải công khai);
- Lưu: VT, CN_(A).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Thảo

QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo Quyết định số 05 /2023/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), bao gồm: Quy định về đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định phê duyệt của UBND tỉnh; Quy định về cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh, UBND cấp huyện; Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường; Quy định quản lý chất thải sinh hoạt; Quản lý chất thải công nghiệp; Quy định về thời gian và tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại; tuyến đường và thời gian hoạt động; Quy định về quản lý chất thải nhựa.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định, bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Đánh giá tác động môi trường

1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND tỉnh Cao Bằng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Thực hiện đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Thời hạn ra quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 9 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7. Việc gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp nhận, giải quyết và thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

8. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các việc quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án đầu tư và các cơ quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

10. Trường hợp có thay đổi chủ dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư mới có trách nhiệm thực hiện theo khoản 3 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

11. Trách nhiệm của Chủ dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 4. Giấy phép môi trường

1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường được quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3. Thời hạn của giấy phép môi trường: 10 năm; Thời hạn của giấy phép có thể ngắn hơn theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 khoản 2 khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Giấy phép môi trường được cấp đổi trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhưng không thay đổi các nội dung khác quy định trong giấy phép.

6. Giấy phép môi trường được xem xét điều chỉnh trong thời hạn của giấy phép khi thuộc khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7. Giấy phép môi trường được cấp lại trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường khi chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến mức phải tước quyền sử dụng giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

9. Giấy phép môi trường bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

10. Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường được quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng để phù hợp với quy định về khoảng cách an toàn môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan, thời gian hoàn thành *xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2028*.

2. Trong thời gian thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 của Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động phải

thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành các nhóm như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- b) Chất thải thực phẩm;
- c) Chất thải nguy hại;
- d) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này vào các bao bì chứa để chuyển giao như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- b) Chất thải thực phẩm, chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện quản lý như sau:

- a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;
- b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- c) Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- d) Chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ trong quá trình sử dụng;
- b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngâm hoặc rò rỉ nước rác.

5. Tần suất thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ vào lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tình hình thực tế của mỗi địa phương để xác định tần suất thu gom, vận chuyển đảm bảo theo quy định sau đây:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Tùy theo khối lượng phát sinh và nhu cầu chuyên giao;

b) Chất thải thực phẩm: Đối với khu vực nội đô thành phố Cao Bằng và các thị trấn tần suất thu gom tối thiểu là 01 ngày/01 lần; các khu vực còn lại tối thiểu 02 ngày/01 lần, khuyến khích áp dụng 01 ngày/01 lần;

c) Chất thải nguy hại được phân loại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định pháp luật để thu gom vận chuyển, xử lý tập trung hoặc giao Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận xử lý chất thải nguy hại phát sinh được phân loại tách ra từ sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý tùy thuộc vào khối lượng CTNH phát sinh;

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác: Phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương và khối lượng phát sinh.

6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân thu gom phân loại riêng để chuyên giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế nhựa để tái chế, tái sử dụng;

b) Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng gia đình, đối với gia đình, cá nhân có đất vườn rộng, khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại hộ như: ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình thì thực hiện xử lý tại các lò đốt chất thải sinh hoạt đã được đầu tư hoặc chôn lấp tại các bãi chôn lấp đã được quy hoạch hợp vệ sinh (hạn chế tối đa việc chôn lấp);

c) Chất thải nguy hại được phân loại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt: Phải được xử lý tại các cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động;

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải sinh hoạt khó phân hủy): Được

thu gom, tập kết riêng tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp hợp vệ sinh; khuyến khích tái chế, tái sử dụng.

7. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

8. Quy định tại khoản 1 Điều này phải được **thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.**

Điều 7. Quản lý chất thải công kênh

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh chủ động tự tháo dỡ, giảm thể tích, khối lượng chất thải công kênh, đồng thời phân loại các chất thải sau khi tháo dỡ để xử lý phù hợp.

2. Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh được phép tự vận chuyển hoặc tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận, xử lý. Trong thời gian đơn vị thu gom, vận chuyển chưa đến vận chuyển đi xử lý thì hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản, không được tập kết ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng.

3. Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh có trách nhiệm chi trả phí dịch vụ tháo dỡ, thu gom chất thải rắn công kênh từ nơi phát sinh vận chuyển đến nơi tiếp nhận theo giá tự thỏa thuận với các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Chất thải rắn công kênh được thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải rắn sinh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 8. Quy định về thời gian và tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các điểm thu gom chất thải đến điểm tập kết, trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Thời gian hoạt động từ 19 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội đô thành phố Cao Bằng, **thời gian thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.** Các khu vực còn lại thời gian hoạt động 06 giờ sáng đến 08 giờ sáng trong ngày.

Điều 9. Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại; tuyến đường và thời gian hoạt động

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại phải có thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo quy định pháp luật về giao thông vận tải và đo lường; thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô

phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian phương tiện vận chuyển tham gia giao thông.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định.

3. Thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ 19 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội đô thành phố Cao Bằng **thời gian thực hiện kể từ ngày 01/01/2024**. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 10. Quy định về quản lý chất thải nhựa

1. Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định.

3. Khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; khuyến khích nghiên cứu; hạn chế việc sử dụng nước uống đóng chai sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

4. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng không sử dụng nước uống đóng chai dùng một lần ở cơ quan công sở và trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo do cơ quan nhà nước chủ trì, tổ chức **thời gian kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023**.

5. **Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026**, tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch có sử dụng túi nilon thân thiện với môi trường và thay thế khoảng 80% túi nilon khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm), trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

6. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện quy định tại khoản 5 Điều này **trước ngày 01 tháng 01 năm 2026**.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn; tổ chức truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường; tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; Tổ chức thẩm định tờ khai phí và ra thông báo thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp;

b) Chủ trì biên soạn các tài liệu hoặc sổ tay hướng dẫn về thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải, giảm thiểu phát thải chất thải nhựa, túi nilon;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành hướng dẫn chi tiết phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (tại hộ gia đình) hướng dẫn kỹ thuật, phương thức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

d) Tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa;

đ) Chủ trì đôn đốc, hướng dẫn kỹ thuật xử lý ô nhiễm, cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì quan trắc, theo dõi, giám sát và công bố, công khai chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh; kết nối dữ liệu quan trắc, giám sát môi trường tự động của chủ nguồn thải, công bố công khai dữ liệu báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường theo quy định pháp luật;

g) Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh; đánh giá sức chịu tải môi trường trên địa bàn tỉnh;

h) Tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo;

i) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học;

k) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân liên quan;

l) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Ủy ban

nhân dân tỉnh xem xét, ban hành hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải phù hợp với thực tiễn đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan xác định phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn tập trung, cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn các chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt lập phương án giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối bố trí từ nguồn chi thường xuyên trong dự toán ngân sách hàng năm cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

c) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh;

d) Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Cao Bằng bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật đầu tư; hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối nguồn vốn và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn đầu tư để giải

phóng mặt bằng và các hạ tầng thiết yếu khác đến chân hàng rào theo quy định cho các dự án xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chủ trì thẩm định, báo cáo UBND tỉnh làm cơ sở đề cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách và các nguồn vốn khác nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến quản lý bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Chủ trì, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án, hình thức đầu tư mở rộng, nâng công suất đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thực tiễn của tỉnh;

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải đã được cấp phép đầu tư, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có).

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề xuất và triển khai các biện pháp thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn nhằm đảm bảo tiêu chí về môi trường cho các xã nông thôn mới theo lộ trình; theo dõi, đề xuất các mô hình quản lý rác thải khu vực nông thôn theo thẩm quyền;

b) Lồng ghép nội dung quản lý rác thải vào các chương trình tuyên truyền, tập huấn nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các địa phương thực hiện việc thu gom rác thải và vệ sinh môi trường theo quy định đảm bảo đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

d) Chủ trì biên soạn các tài liệu và tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải trong canh tác nông nghiệp, chăn nuôi; sản xuất làng nghề; hướng dẫn kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

đ) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến các tổ chức, cá nhân; tổ chức và hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật theo quy định.

6. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

b) Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa

khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường các khu chức năng sản xuất công nghiệp trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, đặc biệt là công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

7. Sở Công Thương

Chỉ đạo các trung tâm thương mại, siêu thị thực hiện quản lý chất thải nhựa theo quy định này.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Hằng năm theo lĩnh vực quản lý, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm định hướng, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;

b) Hướng dẫn giảng dạy lồng ghép, tích hợp giáo dục về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường vào môn học hoặc hoạt động giáo dục phù hợp với lớp học, cấp học bảo đảm các biện pháp tuyên truyền, giáo dục dưới các hình thức trực quan, sinh động, dễ hiểu theo từng lứa tuổi;

c) Chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện nội dung, chương trình giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nhân lực bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Hằng năm theo lĩnh vực quản lý Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm định hướng, hướng dẫn các cơ sở giáo dục dạy nghề trên địa bàn tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;

b) Chỉ đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát chương trình, nội dung, thời lượng giảng dạy và biên tập tài liệu, hướng dẫn giáo dục về phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường lồng ghép vào môn học hoặc hoạt động ngoại khóa phù hợp với khóa học bảo đảm các biện pháp tuyên truyền, giáo dục dưới các hình thức trực quan, sinh động, dễ hiểu.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các địa điểm di tích, lịch sử, danh lam thắng cảnh, các cửa ngõ ra vào tỉnh, trung tâm các thành phố, huyện, xã;

b) Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi nilon tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng;

c) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hương ước, quy ước ở các địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường;

d) Chỉ đạo các khách sạn, khu du lịch thực hiện quản lý chất thải nhựa theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

10. Sở Y tế

a) Chủ trì, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn, thu gom chất thải, vệ sinh môi trường tại các bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý chất thải y tế theo quy định này và quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế và quy định tại Điều 9 của Quy định này.

11. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm lòng, lề đường, hành lang an toàn giao thông;

b) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát chủ phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại thực hiện các nội dung quy định tại Điều 12 của Quy định này.

12. Sở Tư pháp

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Tham gia xây dựng, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định.

13. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là lĩnh vực tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo thẩm quyền; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn tỉnh" để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.

14. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai Đề án “Đẩy mạnh

công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025” đã được phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được phê duyệt tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng;

b) Chủ trì xây dựng chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thu gom rác thải, vệ sinh môi trường; nêu gương các điển hình tiên tiến, lên án mạnh mẽ các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

15. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện các hành vi đổ trộm chất thải, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm (nếu có).

16. Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Trung tâm thông tin điện tử tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thường xuyên cập nhật, đưa tin về các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Sản xuất các chương trình chuyên đề về hoạt động quản lý rác thải trên địa bàn; đưa tin về các mô hình hiệu quả, các phong trào hoặc địa phương điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Cao Bằng;

c) Thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn trên địa bàn theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn; tổ chức cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND các huyện, thành phố.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường và kết quả triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho thu

- gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.
4. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.
 5. Chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành lộ trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định.
 6. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai quy định này và các quy định hiện hành liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn.
 7. Tổ chức rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.
 8. Tổ chức triển khai thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công kênh trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định này đồng thời chỉ đạo hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nội dung đảm bảo theo quy định.
 9. Tổ chức triển khai thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, sau đó triển khai đồng bộ trên toàn huyện, thành phố việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định; áp dụng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân trên toàn huyện, thành phố.
 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
 11. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, lựa chọn, bổ sung quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển rác thải tại các xã, thị trấn trên địa bàn, lập dự án và triển khai các xây dựng dự án các điểm tập kết, trung chuyển rác thải trên địa bàn.
 12. Chủ động lựa chọn địa điểm và nhà đầu tư để xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố.
 13. Triển khai các dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tái sử dụng đất đối với các bãi chôn lấp rác thải đã đóng cửa.
 14. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường; đưa công tác bảo vệ môi trường trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để xét công nhận gia đình văn hóa, các thôn, khu phố, khu dân cư, cơ quan, đơn vị văn hóa.
 15. Thanh tra, kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân, trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng giá dịch vụ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi

trường hàng năm trên địa bàn.

16. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

17. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn và quy định này; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố.

18. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện quy định này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 28 tháng 02 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn trên địa bàn theo thẩm quyền; truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn và kết quả triển khai các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương.

3. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố, tổ dân phố, khu dân cư và các tổ chức tự quản trên địa bàn; quản lý các chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4. Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom rác thải vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh của xã, phường, thị trấn; thực hiện tuyên truyền theo từng điểm sinh hoạt cộng đồng như trung tâm văn hóa xã, phường, thị trấn; các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

6. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo thẩm quyền.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và pháp luật về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

8. Định kỳ báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện quy định này gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 30 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và các tổ chức thành viên

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh... vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại nguồn; chủ trì phát động và duy trì các phong trào thu gom rác thải và vệ sinh môi trường; xây dựng khu dân cư, tuyến đường tự quản về vệ sinh môi trường; xây dựng, hình thành tuyến phố, tuyến đường, tổ dân phố, khu dân cư, tự quản, văn minh “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”; xây dựng và phát triển các phong trào tự quản bảo vệ môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; thường xuyên thực hiện công tác giám sát, phản biện về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân và cộng đồng dân cư

1. Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp theo quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Thực hiện quy định về việc sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần tại khoản 5 Điều 15 của Quy định này.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 3 của năm tiếp theo.
2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.